

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-9-2019

V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung

2. Bà Trần Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn:

Bà Trần Thị C, sinh năm 1961

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn của ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị C kết hôn ngày 29-12-1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay ông yêu cầu ly hôn bà C, việc ly hôn ông đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải H, sinh ngày 07-02-1993 và Nguyễn Hải G, sinh ngày 10-01-1997, bà C đang không mang thai. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản:

Tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản nợ chung: không có

Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi lời khai của bà Trần Thị C được, do bà Trần Thị C đều vắng mặt không rõ lý do. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà ghi lời khai thì bà C không hợp tác làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị C ly hôn. Về con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên không giải quyết. Về tài sản không xem xét giải quyết. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị C vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C. Ông Nguyễn Hữu T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C. Bà C hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ông T và bà C tự nguyện kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà C là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định ông T và bà C có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07-02-1993 và Nguyễn Hải G, sinh ngày 10-01-1997, bà C đang không mang thai. Xét thấy, hiện nay hai con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, vợ chồng đã tự thỏa thuận; tài sản nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị C ly hôn.
2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0014286 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đ;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ